

Số: 98/2019/QĐST-HNGĐ

T, ngày 12 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q SN 1997

Địa chỉ: Khu 1, xã T1, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H SN 1983

Địa chỉ: Xóm M, xã MĐ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Q:

Ông Đoàn Hữu Văn - Trợ giúp viên pháp lý

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H:

Ông Bùi Đức Dũng - Trợ giúp viên pháp lý

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55,57,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/6/2019.

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Q và anh Nguyễn Tiến H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Hai bên thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 11/3/2017, hiện nay cháu đang ở với anh H, khi ly hôn hai bên thoả thuận để anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng) kể từ tháng 7/2019 đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung; Cho vay, đi vay; Cấp dưỡng giữa vợ và chồng:* Chị Q và anh H cùng thống nhất không có và không yêu cầu.

2.3. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn thay cho anh H theo quy định của pháp luật là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017 – 0002411 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị Q đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- UBND xã T1 (vào sổ hộ tịch);
- Các bên đương sự;
- Các TGVPL;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh